

Bản án số: 37/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 30-12-2022

“V/v: ly hôn và nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Giang.

2. Bà Đỗ Thị Hân

- Thư Ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn – thư Ký tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Tạ Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại hội trường Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 59/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 “Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022. Giữa:

Nguyên đơn: chị Ngô Thị B, sinh năm: 2000.

Địa chỉ: thôn 11, xã H, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh

Bị đơn: anh Chu Như Y, sinh năm 1990.

Nơi thường trú: số nhà 44, phố L, khu 2, phường L, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

Hiện đang chấp hành án tại: đội 8, phân trại số 3, Trại giam Hoàng Tiến, phường Văn Đức, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Ngô Thị B trình bày: Chị và anh Chu Như Y đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố M năm 2018 trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Y ăn chơi, không quan tâm đến gia đình. Hiện tại anh Y đang phải chấp hành án về tội có Y gây thương tích là 05 năm tù. Nay chị thấy tình cảm không còn chị đề nghị được ly hôn anh Y.

Về con chung: chị và anh Y sinh được 01 con chung là Chu Kim B1, sinh ngày 25/12/2018, hiện đang ở với chị. Chị đề nghị được nuôi con chung đến tuổi thành niên. Không yêu cầu anh Y cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung và khoản nợ chung: không có

Tài liệu, chứng cứ chị B cung cấp gồm các giấy tờ liên quan đến nhân thân của các đương sự.

Quan điểm của anh Y trong quá trình giải quyết thể hiện:

Về thời gian và địa điểm đăng Ký kết hôn và nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn như chị Y trình bày là đúng, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên việc chị B xin ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh xác nhận anh và chị B có 01 con chung như chị B trình bày là đúng, do từ nhỏ con chung đã sống cùng ông bà nội, chị B thường xuyên vắng nhà nên anh đề nghị giao con chung cho bố mẹ anh nuôi dưỡng cho đến khi anh chấp hành xong hình phạt tù anh sẽ nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và khoản nợ chung không có.

Anh Y không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì.

Tại đơn xác nhận hiện trạng vợ chồng ngày 12/12/2022 đại diện chính quyền địa phương xác nhận tình trạng vợ chồng như chị B trình bày. Hiện tại chị B vẫn ở tại địa phương và đang trực tiếp nuôi con nhỏ, còn anh Y đang phải chấp hành án phạt tù tại trại giam.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị B được ly hôn anh Y. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên

Về cấp dưỡng nuôi con chung: các đương sự không có yêu cầu nên không xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Ngô Thị B và anh Chu Như Y là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị B có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn và yêu cầu nuôi con chung thuộc quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Móng Cái, nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về sự vắng mặt của các đương sự: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự,

Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về tình cảm: Theo tài liệu, chứng cứ do chị B cung cấp thì cuộc hôn nhân của chị B và anh Y là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, chị B và anh Y sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Y mãi chơi không quan tâm đến vợ con, đến tháng 01 năm 2020 anh Y bị Tòa án thành phố Móng Cái xử phạt 05 năm tù về tội cố ý gây thương tích, hiện đang chấp hành tại Trại giam Hoàng Tiến cũng từ đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, bản thân chị B cũng không có sự thăm hỏi chồng khi đang chấp hành án thể hiện tại sở theo dõi thăm gặp phạm nhân của anh Y tại trại giam. chị B yêu cầu ly hôn, anh Y cũng đồng ý ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy việc thống nhất ly hôn của chị B và anh Y hoàn toàn tự nguyện và đúng pháp luật nên ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị B và anh Y.

[2.2] Về con chung: chị B và anh Y có 01 con chung hiện đang được chị B trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Xét đề nghị nuôi con chung của chị B và anh Y, Hội đồng xét xử thấy cháu Chu Kim B1 còn nhỏ đang được mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bản thân anh Y đang chấp hành án tại trại giam không có điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung nên xét thấy việc tiếp tục giao con chung cho chị B chăm sóc, nuôi dưỡng là hợp lý. Đối với yêu cầu của anh Y đề nghị giao con cho bố mẹ anh chăm sóc nuôi dưỡng là trái với quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, do vậy yêu cầu của anh Y không được chấp nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: các đương sự không có yêu cầu nên không xét.

[4] Về tài sản chung và khoản nợ chung: không có nên không xét

[5] Về án phí: chị B chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1, Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 56; Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 5 Điều 19 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị B về việc ly hôn và nuôi con chung

Xử: cho chị Ngô Thị B được ly hôn anh Chu Như Y.

Giao con chung là Chu Kim B1, sinh ngày 25/12/2018 cho chị Ngô Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Y

không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị B và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không trực tiếp nuôi dưỡng mà không ai được cản trở.

Về án phí: chị B phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007640 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Móng Cái.

Về quyền kháng cáo: nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh QN, TP MC;
- Chi cục THA Dân sự;
- UBND nơi ĐS ĐKKH
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Nga